

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HSST  
Ngày 14 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Nhiên.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Nam Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 20/2024/TLST-HS ngày 6 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị B**, sinh ngày 20/5/1973; Tên gọi khác: Không; Sinh, trú quán: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Kiều Thị M (đã chết); chồng: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966; có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

2. **Lê Thị P**, sinh ngày 27/4/1982; Tên gọi khác: Không; Sinh quán: xã T, huyện K, tỉnh H; Nơi thường trú: P, phường L, L, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; con ông: Lê Văn L, sinh năm 1951 và bà Lê Thị D, sinh năm 1949; chồng: Vũ Văn P, sinh năm 1985; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

3. **Lê Thị T**, sinh ngày 14/12/1964; Tên gọi khác: Không; Sinh quán: xã Đ, huyện Y, tỉnh H; Nơi thường trú: thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh H; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; con ông Lê Văn C2 (đã chết) và bà Phạm Thị L2 (đã chết); chồng: Trần Văn N, sinh năm 1964; có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

4. **Đào Thị V**, sinh ngày 24/3/1976; Tên gọi khác: Không; Sinh trú quán: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; con ông Đào Duy H, sinh năm 1955 và bà Tạ Thị T2, sinh năm 1954; chồng: Nguyễn Văn C3, sinh năm 1974; có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 27/12/2023, tại Nhà nghỉ HQ ở thôn T, xã Y, huyện Y, do Nguyễn Thị B quản lý, Nguyễn Thị B cùng Đào Thị V và Lê Thị T đang ngồi chơi, nói chuyện, thì Lê Thị P là người quen của B đến chơi. Lúc này B, V và T cùng rủ P chơi đánh bạc bằng hình thức chơi “Phỏm” sát phạt nhau bằng tiền, thì P đồng ý. Sau đó tất cả cùng vào ngồi lên giường kê tại phòng V06 ở phía sau Nhà nghỉ để đánh bạc. Lê Thị T lấy bộ bài tú lơ khơ để từ trước ở cửa sổ phòng V06 chia bài rồi cùng các đối tượng còn lại thống nhất mức sát phạt nhau là: Mỗi ván chơi, người về thứ nhất sẽ được của người về thứ hai 50.000đ, của người về thứ ba 100.000đ, của người về bết 150.000đ; người bị ăn cây chốt phải trả cho người ăn được cây chốt 200.000đ; người không có phỏm ( cháy ), thì phải trả người về thứ nhất 100.000 đồng; Ván nào có người ù, thì mỗi người còn lại phải trả cho người ù 300.000đ. Các đối tượng cùng nhau đánh bạc đến 16 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Y phát hiện và lập biên bản. Thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài gồm 52 quân bài tú lơ khơ và 4.350.000 đồng; thu giữ trên người các đối tượng tổng cộng 31.250.000 đồng.

Kết quả điều tra các bị cáo Nguyễn Thị B, Lê Thị T, Lê Thị P và Đào Thị V đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng bọn, đồng thời khai nhận về số tiền sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau:

+ Lê Thị P mang theo 24.000.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc, và mới bỏ ra 2.000.000 đồng để chơi, còn 22.000.000 đồng vẫn để trên người; khi bị phát hiện P đang thắng 800.000 đồng; Bị thu giữ tại chỗ ngồi đánh bạc 2.800.000 đồng và tự giao nộp số tiền trên người 22.000.000 đồng.

+ Nguyễn Thị B có 6.450.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 1.800.000 đồng để đánh bạc, và mới bỏ ra 550.000 đồng để chơi, còn 5.900.000 đồng vẫn để trên người; khi bị phát hiện B đang thắng 150.000 đồng; Bị thu giữ tại chỗ ngồi đánh bạc 700.000 đồng và tự giao nộp số tiền trên người 5.900.000 đồng.

+ Lê Thị T có 3.400.000 đồng, sử dụng tất cả số tiền này để đánh bạc, nhưng mới bỏ ra 800.000 đồng để chơi, còn 2.600.000 đồng vẫn để trên người; khi bị phát hiện T đang thua 250.000 đồng; Bị thu giữ tại chỗ ngồi đánh bạc 550.000 đồng và tự giao nộp số tiền trên người 2.600.000 đồng.

+ Đào Thị V có 1.750.000 đồng, sử dụng tất cả số tiền này để đánh bạc, nhưng mới bỏ ra 1.000.000 đồng để chơi, còn 750.000 đồng vẫn để trên người;

khi bị phát hiện V đang thua 700.000 đồng; Bị thu giữ tại chỗ ngồi đánh bạc 300.000 đồng và tự giao nộp số tiền trên người 750.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc là 10.950.000 đồng.

Về vật chứng: Bộ bài 52 quân tứ lơ khơ, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, hiện đang quản lý tại Kho vật chứng của Công an huyện Y; Trong tổng số tiền 35.600.000 đồng có 10.950.000 đồng, các bị cáo sử dụng để đánh bạc, hiện đang tạm gửi tại tài khoản tạm gửi của Công an huyện Y tại Kho bạc nhà nước Yên Mỹ; số tiền 24.650.000 đồng còn lại là của các bị cáo Lê Thị P và Nguyễn Thị B không sử dụng vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã trả lại cho các bị cáo Lê Thị P và Nguyễn Thị B.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 23/QĐ-VKS-YM ngày 05/03/2024 của Viện kiểm sát huyện Y đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị B, Lê Thị P, Lê Thị T và Đào Thị V phạm tội: Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

### **Tại phiên toà hôm nay:**

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị B, Lê Thị P, Lê Thị T và Đào Thị V phạm tội “*Đánh bạc*”. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 và của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị B, Lê Thị P, Lê Thị T và Đào Thị V. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 35.000.000đồng đến 40.000.000 đồng; các bị cáo Lê Thị P, Lê Thị T và Đào Thị V mỗi bị cáo từ 30.000.000đồng đến 35.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu cho tiêu hủy bộ bài 52 quân tứ lơ khơ; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.950.000 đồng đã thu giữ tại chiếu bạc

- Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mong được hưởng khoan hồng của pháp luật, đề nghị cho các bị cáo được chấp hành hình phạt tiên, để có cơ hội tu dưỡng và cải tạo bản thân thành người có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 27/12/2023, tại phòng V06, Nhà nghỉ HQ ở thôn T, xã Y, huyện Y, do Nguyễn Thị B, Lê Thị P, Đào Thị V và Lê Thị T chơi đánh bạc bằng hình thức chơi “Phỏm” sát phạt nhau bằng tiền đến 16 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Y phát hiện và lập biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài gồm 52 quân bài tú lơ khơ và 4.350.000 đồng; thu giữ trên người các đối tượng tổng cộng 31.250.000 đồng. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo đều về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến an toàn, trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an, gây bức xúc trong dư luận. Do đó việc áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của các bị cáo là cần thiết. Trong vụ án này, các bị cáo đều có vai trò là đồng phạm giản đơn, đều chủ động tiếp nhận ý chí của nhau và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo B là chủ nhà, đồng thời là người rủ rê và cung cấp bộ bài nên có vai trò cao nhất, các bị cáo T, V và P cùng thực hành đánh bạc nên có vai trò ngang nhau và thấp hơn bị cáo B.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin được chấp hành hình phạt tiền có xác nhận của chính quyền địa P nơi các bị cáo cư trú nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

[5] Về hình phạt: Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có điều kiện về kinh tế nên việc cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung.

Về hình phạt bổ sung: Do hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với bộ bài 52 quân là công cụ thực hiện phạm tội và không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với số tiền 10.950.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, liên quan đến tội phạm, do vậy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

2. Về Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị B, Lê Thị P, Đào Thị V và Lê Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 35.000.000đồng (ba mươi năm triệu đồng) nộp Ngân sách nhà nước.

Xử phạt các bị cáo Lê Thị P, Lê Thị T và Đào Thị V mỗi bị cáo 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) nộp Ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy bộ bài 52 quân tú lơ khơ, mặt sau màu xanh.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.950.000 đồng (mười triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

*(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/3/2024 giữa Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y; tiền theo ủy nhiệm chi số 134 ngày 13/3/2024 của Công an huyện Y).*

5. Về án phí: các bị cáo Nguyễn Thị B, Lê Thị P, Đào Thị V và Lê Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- CA, VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

( Đã ký)

**Phan Thị Nhiên**

